Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê - Số Hai Mươi Mốt

Jeff Pippenger
2025-12-31

Số Hai Mươi Mốt

> Và từ lúc của lễ hằng ngày bị dẹp bỏ, và vật gớm ghiếc gây nên sự hoang tàn được dựng lên, sẽ có một nghìn hai trăm chín mươi ngày. Đa-ni-ên 12:11.

Kể từ ngày 22 tháng 10 năm 1844, việc áp dụng thời gian tiên tri không còn là cách áp dụng đúng đắn của lời tiên tri đối với những ai muốn phân giải đúng đắn lời của lẽ thật. Thời kỳ 1290 năm trong câu mười một cần được áp dụng như một thời kỳ tượng trưng sau năm 1844, và việc áp dụng sau năm 1844, hay một giai đoạn không có các yếu tố "thời gian", phải giữ vững sự hiểu biết nền tảng về lẽ thật như đã được hiểu trước năm 1844. Con số 1290 tượng trưng cho một giai đoạn 30, tiếp theo là 1260. Sự hiểu biết trước năm 1844 cho rằng ba mươi năm từ 508 đến 538 tượng trưng cho một thời kỳ chuẩn bị để kẻ chống Đấng Christ bắt đầu cai trị từ 538 đến 1798.

Giai đoạn chuyển tiếp 30 năm là chủ đề Phao-lô nêu trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca. Phao-lô không nhắc đến yếu tố “thời gian”, nhưng ông xác định những đặc điểm mang tính tiên tri của việc ngoại giáo nhường chỗ cho chủ nghĩa giáo hoàng trong ba mươi năm đó. Sau đó, quyền cai trị của giáo hoàng bắt đầu. Cách hiểu lịch sử, không có bất kỳ yếu tố thời gian nào, xác định sự chuyển tiếp của vương quốc thứ tư trong lời tiên tri Kinh Thánh sang vương quốc thứ năm, tiếp theo là cuộc tắm máu thời giáo hoàng thứ nhất trong hai cuộc, qua đó tiêu biểu cho sự chuyển tiếp của vương quốc thứ sáu sang liên minh ba bên của con rồng, con thú và tiên tri giả, và cuộc tắm máu thời giáo hoàng thứ hai.

Ba mươi năm chuẩn bị, tiếp đó là một thời kỳ tiên tri, là một biểu tượng chủ đạo về giao ước của Thiên Chúa với một dân được tuyển chọn. Sự chuyển giao của hai quyền lực trong suốt ba mươi năm ấy, rồi tiếp theo là 1.260 năm bắt bớ, tương ứng với ba mươi năm chuẩn bị của Chúa Kitô, tiếp theo là 1.260 ngày cứu độ. Ba mươi năm chuẩn bị của Phản Kitô là sự giả mạo đối với ba mươi năm chuẩn bị của Chúa Kitô. Sự kết thúc của ba mươi năm ấy đánh dấu hoặc việc Chúa Kitô được ban quyền năng khi chịu phép rửa, hoặc việc Phản Kitô được trao quyền vào năm 538. Việc Phản Kitô được trao quyền lực đến từ sự hậu thuẫn kinh tế và quân sự đến từ vương quốc trước đó, còn quyền năng đổ xuống trên Chúa Kitô đến từ vương quốc mà Người đã rời bỏ ba mươi năm trước.

Sự gián đoạn giữa hai giai đoạn được đánh dấu bởi một sự trao quyền, và sự gián đoạn giữa hai giai đoạn do Áp-ram và Phao-lô nêu ra được nhận ra qua một so sánh đơn giản. Trong sự phân biệt ba mươi năm của Áp-ram và Phao-lô, thời kỳ chuẩn bị là ba mươi năm đầu tiên, đại diện cho tiến trình giao ước, điều đã trao quyền cho dòng dõi Áp-ram để ứng nghiệm lời tiên tri về cảnh nô lệ tại Ai Cập. Khoảng thời gian bốn trăm ba mươi năm còn có một sự phân chia mang tính biểu tượng nữa, vì khi áp dụng đúng, hai trăm mười lăm năm đầu tiên được minh họa bởi vị đại diện của Đức Chúa Trời và bởi Pha-ra-ôn. Đối với Giô-sép và 215 năm đầu, đó là Pha-ra-ôn hiền lành; còn đối với

Môi-se và 215 năm sau, đó là Pha-ra-ôn hung ác.

Sự phân chia đó xác định hai giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm bốn thế hệ. Bốn thế hệ đầu có thể đặt chồng lên bốn thế hệ sau, dòng này chồng lên dòng kia; và khi làm như vậy, Joseph và Moses, một alpha và omega mang tính tiên tri, tương tác với một Pharaoh tốt (alpha) và một Pharaoh xấu (omega). Có ánh sáng lớn có thể rút ra từ sự xem xét song song này, nhưng tôi chỉ đang nêu rằng lời dự đoán của Abram về thế hệ thứ tư xác định hai chứng nhân của bốn thế hệ trong 430 năm. Sự trình bày kép về bốn thế hệ được tìm thấy trong các gia phả ở Genesis chương bốn và năm. Khi coi Cain và Seth là điểm bắt đầu của danh sách các dòng dõi huyết thống, chúng ta thấy có tám thế hệ từ Seth đến Noah, và khi chia ở giữa, có một sự trình bày của hai giai đoạn bốn thế hệ. Điều này được nhận thấy trong các dòng dõi tám thế hệ của cả Seth và Cain.

Các gia phả trong chương bốn và năm đều kết thúc ở Nô-ê. Nô-ê là biểu tượng của giao ước của Đức Chúa Trời với nhân loại, được biểu trưng bằng cầu vồng. Áp-ram là biểu tượng của giao ước của Đức Chúa Trời với một dân được chọn, được biểu trưng bằng phép cắt bì. Hai giao ước ấy luôn gắn liền với nhau, và Sáng thế ký chương mười một, nơi chúng ta thấy tháp Ba-bên ngay sau nạn đại hồng thủy thời Nô-ê, là nơi trình bày gia phả dẫn đến Áp-ram. Trong đoạn ấy có mười thế hệ, không phải tám. Trong đoạn dẫn đến Áp-ram cũng như trong đoạn dẫn đến Nô-ê, các giao ước Nô-ê và Áp-ra-ham đều được thể hiện.

Trong đoạn văn ở chương mười một đề cập đến dân được chọn, chúng ta thấy hai trong những thế hệ ấy chan chứa ánh sáng lớn lao.

> Eber sống được ba mươi bốn tuổi thì sinh Peleg. Sau khi sinh Peleg, Eber còn sống bốn trăm ba mươi năm và sinh con trai và con gái. Peleg sống được ba mươi tuổi thì sinh Reu. Sáng thế ký 11:16-19.

Sự nhắc đến Eber là lần đầu tiên người ta nhắc đến một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ, về sau được xác định là từ "Hebrew." Trong gia phả của một dân tộc được chọn, một trong mười hậu duệ có tên là "Hebrew," và đó cũng là tên mà dân tộc được chọn sẽ được biết đến. Trong ba câu, Eber và Peleg được dùng để đánh dấu sự phân biệt của dòng dõi Hê-bơ-rơ được chọn. Eber có nghĩa là "vượt qua" hoặc "người vượt qua" và là gốc của từ "Hebrew." Abram là biểu tượng cho những người vượt qua từ Babylon đến Đất Hứa. "Peleg" có nghĩa là "sự phân chia" hoặc "sự chia tách," như được nhắc đến trong Sáng-thế Ký 10:25, nơi cho biết rằng vào thời Peleg "đất đã bị chia ra."

Eber và Peleg đại diện cho một sự phân chia mang tính tiên tri dành cho những ai muốn phân chia đúng đắn lời của lẽ thật. Gia phả của Noah tạo nên hai dòng gồm tám đời, tượng trưng cho hai bộ bốn thế hệ, cũng như 430 năm ở Ai Cập. Gia phả trong Sáng thế ký chương mười một được biểu trưng bằng mười, chứ không phải tám, vì đó là gia phả của một dân được chọn. Dân được chọn được chia thành hai nhóm, mỗi nhóm năm người, do đó phù hợp với dụ ngôn mười trinh nữ, là dụ ngôn về dân giao ước của Đức Chúa Trời.

Trong gia phả của dân được chọn ấy, tên Peleg và sự ứng nghiệm lịch sử của ông tượng trưng cho một sự phân chia giữa hai hạng trinh nữ khôn ngoan và ngu dại, ngay tại thời điểm trong lịch sử Kinh Thánh khi đất đã bị phân chia tại tháp Ba-bên. Trong danh sách mười người, Peleg đứng thứ

năm, vì đó là vị trí trung tâm của số mười. Eber người Hê-bơ-rơ, được Áp-ram làm hình bóng, tượng trưng cho một trinh nữ dại vượt qua và trở thành trinh nữ khôn ngoan, khi hai hạng được phân chia bởi tiếng kêu nửa đêm. Eber, người Hê-bơ-rơ đầu tiên theo tên gọi, đại diện cho Áp-ram, người Hê-bơ-rơ đầu tiên theo giao ước. Khi Chúa gọi Áp-ram ra khỏi Ba-by-lôn, điều ấy tượng trưng cho sứ điệp của tiếng kêu nửa đêm, tức là sự thêm quyền năng cho thiên sứ thứ hai, Đấng kêu gọi đàn ông và đàn bà ra khỏi Ba-by-lôn.

Dụ ngôn mười trinh nữ được minh họa bằng Ê-be và Pê-léc, tượng trưng cho lời kêu gọi ra khỏi, ngay trước khi đường ranh phân chia của Pê-léc đóng lại cánh cửa ân điển. Trong mối liên hệ tiên tri, Ê-be sống 430 năm sau Pê-léc, rồi Pê-léc sống 30 năm. Bước thứ nhất của giao ước ba phần của Áp-ram được biểu thị bởi Ê-be và Pê-léc. Áp-ram, như Ê-be; và Pê-léc là đường ranh phân chia giữa hai hạng người. Sự bổ sung của Phao-lô đối với lời tiên tri của Áp-ram chính là sự bổ sung của Pê-léc đối với lời tiên tri của Ê-be. Ê-be công bố 400 năm, nhưng Pê-léc xác định 430 năm. Vì vậy, Pê-léc tượng trưng cho Phao-lô; Phao-lô đã thêm 30 năm vào 400 năm, và chức vụ của ông là nhằm xác định "Pê-léc" trong lời tiên tri Kinh Thánh. "Pê-léc" trong lời tiên tri Kinh Thánh mà Phao-lô xác định tượng trưng cho sự phân chia của dân tộc từ nghĩa đen sang thuộc linh.

Từ Shem đến Peleg là năm đời con cháu, và từ Rue đến Abram cũng là năm.

> Và Ngài phán với Abram: Hãy biết chắc rằng dòng dõi ngươi sẽ làm khách lạ trong một xứ không thuộc về họ, và sẽ phục dịch dân ở đó; và dân ấy sẽ áp bức họ trong bốn trăm năm. Sáng Thế Ký 15:13.
>
> Nay, các lời hứa đã được ban cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông. Ngài không nói: “và cho các dòng dõi,” như nói về nhiều người; nhưng như về một người: “và cho dòng dõi ngươi,” tức là Đấng Christ. Và tôi nói điều này: giao ước đã được Đức Chúa Trời xác nhận trước trong Đấng Christ thì luật pháp, vốn đến sau bốn trăm ba mươi năm, không thể hủy bỏ để làm cho lời hứa trở nên vô hiệu. Vì nếu cơ nghiệp là bởi luật pháp thì không còn là bởi lời hứa nữa; nhưng Đức Chúa Trời đã ban cơ nghiệp ấy cho Áp-ra-ham bởi lời hứa. Ga-la-ti 3:16-18.

Ba mươi tuổi

Chúa Giê-xu đã ba mươi tuổi khi Ngài bắt đầu sứ vụ của mình.

> Và chính Đức Giê-su lúc bắt đầu, ở vào khoảng ba mươi tuổi, (như người ta tưởng) là con của Giô-sép, còn ông này là con của Hê-li. Lu-ca 3:23.

Khi ba mươi tuổi, Joseph bắt đầu phục vụ Pharaoh ở Ai Cập.

> Và Giuse được ba mươi tuổi khi ông đứng trước Pharaon, vua Ai Cập. Và Giuse ra khỏi trước mặt Pharaon, đi khắp cả đất Ai Cập. Sáng thế ký 41:46.

Nhà tiên tri Ezekiel đã ba mươi tuổi khi ông bắt đầu chức vụ của mình, và chức vụ của ông kéo dài hai mươi hai năm.

> Vào năm thứ ba mươi, tháng thứ tư, ngày mồng năm trong tháng, khi tôi đang ở giữa những người lưu đày bên bờ sông Kê-ba, trời mở ra, và tôi thấy những khải tượng của Đức Chúa Trời. Ê-xê-chi-ên 1:1.

Trong các trước tác của mình, Ê-xê-chi-ên có nhiều tham chiếu lịch sử hơn bất kỳ vị tiên tri nào khác. Có mười ba tham chiếu trực tiếp đến các niên đại có thể xác định trong các trước tác của ông, và, mà không hay biết, các học giả Kinh Thánh và các sử gia xác nhận rằng chức vụ của ông kéo dài hai mươi hai năm, dù họ không biết rằng hai mươi hai là biểu tượng của một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Vua Đa-vít được ba mươi tuổi khi bắt đầu trị vì, và ông đã trị vì bốn mươi năm.

> Đa-vít ba mươi tuổi khi ông bắt đầu trị vì, và ông trị vì bốn mươi năm. Tại Hê-brôn, ông trị vì trên Giu-đa bảy năm sáu tháng; và tại Giê-ru-sa-lem, ông trị vì trên cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa ba mươi ba năm. 2 Sa-mu-ên 5:4, 5.

Triều đại bốn mươi năm của Đa-vít là một con số mang tính biểu tượng, và khoảng thời gian 40 tương tự như 430 năm của Áp-ram và Phao-lô, vì 40 năm ấy được chia thành hai phần (7 năm rưỡi và 33 năm). Hai giai đoạn trong triều đại bốn mươi năm của Đa-vít còn mang một bí ẩn mang tính tiên tri, vì một chỗ Kinh Thánh khác ghi lại hai giai đoạn ấy là bảy năm và ba mươi ba năm. Sáu tháng dư trong Sách 2 Sa-mu-ên tượng trưng cho điều gì, và làm sao 7,5 và 33 lại bằng 40? Có một sự trùng lặp sáu tháng ắt phải biểu thị một chân lý tiên tri.

> Thời gian Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên là bốn mươi năm: ông trị vì tại Hê-brôn bảy năm, và tại Giê-ru-sa-lem ba mươi ba năm. 1 Các Vua 2:11.

22 là một con số tượng trưng cho sự kết hợp giữa thần tính và nhân tính, và chức vụ của Ezekiel kéo dài hai mươi hai năm. Mười bốn năm của Joseph được chia thành hai giai đoạn bảy năm, tuần giao ước của Đấng Christ được chia thành hai giai đoạn 1260 ngày bằng nhau, và thời trị vì bốn mươi năm của David được chia thành hai giai đoạn, với một biểu tượng bổ sung kết nối hai giai đoạn đó.

Chúa Giê-xu là tiên tri, thầy tế lễ và vua. Trong những ngày sau rốt, Ngài sẽ giương cao Hội Thánh khải hoàn của Ngài như một tiêu kỳ, và Hội Thánh ấy được biểu trưng bởi Đấng Christ, vị tiên tri, thầy tế lễ và vua, Đấng đã hiệp Thần tánh của Ngài với loài người, được đại diện bởi Ê-xê-chi-ên (tiên tri), Giô-sép (thầy tế lễ) và Đa-vít (vua). Bốn biểu tượng ấy tượng trưng cho ba người trung tín trong lò lửa được nung nóng gấp bảy lần bình thường; rồi người thứ tư xuất hiện, và Ngài giống như Con Đức Chúa Trời. Toàn thế giới đều được đại diện tại lễ khánh thành tượng vàng của Nê-bu-cát-nết-sa, và họ đều thấy Hội Thánh khải hoàn gồm một tiên tri loài người, một thầy tế lễ loài người và một vua loài người, được nâng đỡ bởi vị Thần Linh thứ tư.

> Sa-tan đã bắt cả thế gian làm tù binh. Hắn đã đưa vào một ngày Sa-bát thờ hình tượng, dường như còn gán cho nó tầm quan trọng rất lớn. Vì cái Sa-bát thờ hình tượng ấy, hắn đã cướp sự thờ phượng của thế giới Cơ Đốc khỏi Ngày Sa-bát của Chúa. Thế gian cúi mình trước một truyền thống, một điều răn do loài người đặt ra. Như Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng tượng vàng của mình trên đồng bằng Đu-ra và tự tôn mình lên, thì Sa-tan cũng tự tôn mình trong ngày Sa-bát giả dối này, vì nó hắn đã đánh cắp áo phục của thiên đàng để mặc cho nó. Review and Herald, ngày 8 tháng 3, 1898.

Số bốn

Ở cấp độ tiên tri, bốn mươi là một phần mười của bốn trăm của Áp-ram, và bốn là một phần mười của bốn mươi. Bất kỳ đặc tính mang tính tiên tri nào được tìm thấy trong con số bốn phải nhất quán với ý nghĩa biểu tượng của bốn mươi, và đến lượt nó phải nhất quán với ý nghĩa biểu tượng của bốn trăm. Trong bối cảnh, số bốn thường đại diện cho "toàn cầu", một cách hiểu quen thuộc, nhưng nó cũng đại diện cho "một sự tiến triển" và trong một số ngữ cảnh là "một sự hủy diệt dần dần".

Bốn tiếng kèn đầu trong bảy tiếng kèn biểu trưng cho sự hủy diệt dần dần của La Mã phương Tây. La Mã phương Đông tại Constantinople kết thúc trong sự khuất phục trước bốn vị Sultan Ottoman. Từng bước, La Mã phương Đông và phương Tây dần tan rã qua bốn giai đoạn, được tượng trưng bởi bốn tiếng kèn, đồng thời cũng bị Hồi giáo của tiếng kèn thứ năm và thứ sáu đánh đổ. Hai dòng này cùng nhau cho thấy sự sụp đổ của La Mã qua bốn giai đoạn tiếng kèn, trong khi một cuộc chiến leo thang với Hồi giáo dẫn tới kết cục sau cùng khi bốn vị Sultan của Hồi giáo giành quyền tối thượng đối với vương quốc. Lịch sử của phương Tây và phương Đông bắt đầu với việc Constantine chia tách Đế quốc vào năm 330.

Bốn tiếng kèn của La Mã Tây phương bắt đầu vào năm 330, và tiếng kèn thứ năm và thứ sáu tượng trưng cho quyền lực đã đánh đổ La Mã Đông phương; La Mã Đông phương cũng bắt đầu vào năm 330. Cả La Mã Đông phương lẫn Tây phương đều góp phần vào việc đặt quyền lực giáo hoàng lên ngai trên đất vào năm 538, vì vậy hai dòng Tây và Đông tiêu biểu cho hai sừng của Hoa Kỳ, là nước đặt quyền lực giáo hoàng trở lại ngai trên đất khi ban hành luật ngày Chủ nhật. La Mã Tây phương là biểu tượng của giáo quyền trong bối cảnh tiên tri, còn La Mã Đông phương là biểu tượng của quyền lực nhà nước.

Trong lịch sử về sự sụp đổ của La Mã phương Tây và La Mã phương Đông, lịch sử của La Mã giáo hoàng được trình bày. Khởi đầu với hội thánh của các môn đồ, được Ê-phê-sô đại diện, ba hội thánh đầu dẫn đến hội thánh thứ tư, tức là quyền giáo hoàng từ năm 538 đến năm 1798. Trong Khải Huyền 13, quyền giáo hoàng được xác định là cai trị trong 42 tháng, sau khi vết thương chí tử năm 1798 của nó được chữa lành vào thời điểm luật ngày Chủ nhật. "Thời gian không còn nữa" sau năm 1844, vì vậy 42 tháng là một biểu tượng của thời kỳ bách hại từ luật ngày Chủ nhật cho đến khi Mi-ca-ên đứng dậy. Các nhà tiên phong hiểu rằng các hội thánh, các ấn và các kèn tượng trưng cho ba dòng lịch sử chạy song song với nhau. Việc đặt lời chứng tiên tri của La Mã phương Tây chồng lên dòng lịch sử của La Mã phương Đông và dòng lịch sử của La Mã giáo hoàng không phải là một cách áp dụng tiên tri mà những người Millerite đã sử dụng, nhưng phương pháp đó không mâu thuẫn với bất kỳ hiểu biết nào đã được họ xác lập.

Dòng chồng dòng, bốn kèn đầu tiên được đặt chồng lên giai đoạn lịch sử mà kèn thứ năm và thứ sáu đại diện, rồi đến dòng của ba hội thánh đầu tiên dẫn đến thời kỳ bách hại dưới quyền giáo hoàng, được hội thánh thứ tư đại diện. Bốn kèn trên dòng thứ nhất, bốn vị sultan trên dòng thứ hai, và bốn hội thánh trên dòng thứ ba. Con số “bốn” tượng trưng cho tính toàn cầu, nhưng cũng tượng trưng cho sự hủy diệt tiệm tiến của một quyền lực dân sự hoặc tôn giáo. Ý nghĩa cụ thể được quyết định bởi ngữ cảnh.

Khi có luật ngày Chủ nhật, quyền lực giáo hoàng được phục hồi. Lần đầu tiên giáo quyền La Mã được trao quyền, có một giai đoạn chuẩn bị kéo dài ba mươi năm. Trong bốn hội thánh đầu tiên,

hội thánh thứ tư là giáo quyền La Mã, và hội thánh thứ nhất là các môn đồ, được đại diện bởi Ephesus. Ba thế hệ đầu của hội thánh Cơ Đốc dẫn đến hội thánh thứ tư là Thyatira, được đại diện bởi Jezebel. Khi đến Thyatira, vào năm 538, một luật ngày Chủ nhật đã được ban hành tại Hội đồng Orleans, qua đó xác định luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ, khi vết thương chí mạng năm 1798 được chữa lành.

Lịch sử từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ được đại diện bởi bốn hội thánh đầu tiên. Hội thánh thứ tư, tức Thi-a-ti-ra, tượng trưng cho luật ngày Chủ nhật và sự bách hại của giáo hoàng theo sau đó. Hội thánh đầu tiên là Ê-phê-sô, hội thánh đã đánh mất tình yêu ban đầu của mình, kết thúc khi hoàn tất tiến trình hủy diệt bốn bước, tại luật ngày Chủ nhật của Thi-a-ti-ra. Thế hệ dẫn đến luật ngày Chủ nhật của Thi-a-ti-ra là thế hệ thứ ba của Bẹt-găm. Thi-a-ti-ra đại diện cho luật ngày Chủ nhật cho đến lúc kết thúc thời kỳ ân điển, và Bẹt-găm đại diện cho sự thỏa hiệp của thế hệ thứ ba, điều chuẩn bị con đường cho Thi-a-ti-ra. Thế hệ thứ ba của Bẹt-găm, và sự thỏa hiệp mà nó đại diện, lần đầu tiên được ứng nghiệm vào thời Constantine, người đã ban hành luật ngày Chủ nhật đầu tiên vào năm 321. Hoa Kỳ khởi đầu như con chiên của Ê-phê-sô, nhưng khi nó đưa Thi-a-ti-ra trở lại ngai, nó nói như một con rồng.

Sự hủy hoại dần dần của Hoa Kỳ được tượng trưng bởi bốn hội thánh đầu tiên trong sách Khải Huyền. Sự hủy hoại dần dần của vương quốc thứ sáu theo lời tiên tri Kinh Thánh diễn ra qua bốn thế hệ dẫn đến luật ngày Chủ nhật, khi con thú từ đất nói như con rồng. Thế hệ cuối cùng được tượng trưng bởi con rồng, vốn là một loài bò sát, như trong Vườn Êđen, và vì lý do này, cả Gioan Tẩy Giả lẫn Chúa Giê-su đã gọi thế hệ cuối cùng của Israel cổ đại là "một dòng dõi rắn độc."

Thế hệ thứ tư và cuối cùng hoặc là “dòng dõi được chọn” đại diện cho một trăm bốn mươi bốn ngàn, hoặc, ngược lại, là “dòng dõi rắn lục”. Một bên đã mang hình ảnh của Đấng Christ, bên kia mang hình ảnh của con thú—tức con rắn. “Dòng dõi rắn lục” được nêu trực tiếp bốn lần trong Lời Đức Chúa Trời. Bối cảnh ở mỗi lần đề cập đều khác nhau.

> Nhưng khi ông thấy nhiều người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến chịu phép báp-têm của mình, ông nói với họ: Hỡi dòng dõi rắn độc, ai đã cảnh báo các ngươi để trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến? Ma-thi-ơ 3:7.

Nếu "dòng dõi rắn độc" chỉ đơn thuần là vài lời lẽ miệt thị nhắm vào một vài giáo phái mà Giăng không ưa, thì cụm từ ấy chẳng có gì đáng bàn. Nhưng trong Lời Đức Chúa Trời, từng lời đều là thiêng liêng, nên Giăng đã gắn cho nhóm Sa-đu-sê và Pha-ri-si một tên gọi cụ thể. Tên gọi ấy được xác định theo nghĩa tiên tri bởi bối cảnh của đoạn văn nơi nó được nêu ra. Trong đoạn ấy, Giăng được mô tả là đang thi hành chức vụ của mình, rồi nhóm Sa-đu-sê và Pha-ri-si bước vào mạch truyện. Trong những câu mở đầu, Giăng được xác định là "tiếng kêu trong đồng vắng" của Ê-sai.

> Trong những ngày ấy, Gioan Tẩy Giả đến, rao giảng trong hoang địa Giu-đê, và nói: Hãy ăn năn, vì Nước Trời đã đến gần.
>
> Vì đây là người mà tiên tri Ê-sai đã nói đến rằng,
>
> Có tiếng người kêu trong hoang mạc: Hãy dọn đường cho Chúa, sửa các lối của Ngài cho thẳng.

> Cũng chính ông Gioan ấy mặc áo bằng lông lạc đà, thắt một dây thắt lưng bằng da ở ngang hông; và thức ăn của ông là châu chấu và mật ong rừng.
>
> Bấy giờ, dân thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê và khắp vùng chung quanh sông Giô-đanh đều đi ra với ông; họ chịu phép báp-têm bởi ông tại sông Giô-đanh, xưng thú tội lỗi mình. Nhưng khi thấy nhiều người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến với phép báp-têm của ông, ông nói với họ: Hỡi dòng dõi rắn độc, ai đã cảnh báo các ngươi để chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến? Ma-thi-ơ 3:2-7.

Thế hệ cuối cùng của Israel cổ đại bị một nhà tiên tri đến từ đồng vắng gọi là "một nòi rắn độc". Giăng là nhà tiên tri đã ứng nghiệm vai trò sứ giả trong sách Ma-la-chi, người dọn đường cho Sứ giả của Giao ước; ông cũng chính là tiếng người kêu trong đồng vắng theo lời Ê-sai.

Nếu xem "lá" như một biểu tượng, ta thấy chúng đại diện cho "sự xưng đạo." Sự ám chỉ đầu tiên là nơi A-đam và Ê-va, những người đã dùng lá vả che đậy sự không công bình của mình. Trước đó họ khoác áo của sự sáng, áo công bình; nhưng khi điều ấy mất đi, họ nhận ra mình là những người La-ô-đi-xê trần truồng, những kẻ nghĩ rằng chỉ cần núp sau "những chiếc lá của sự xưng đạo," là mọi sự sẽ ổn. Tiếp theo trong đoạn, Giăng nói thẳng chống lại những người Do Thái kiểu La-ô-đi-xê cậy vào huyết thống Áp-ra-ham để cứu mình, vì sự tự phụ của họ chỉ là những chiếc lá xưng đạo rỗng tuếch. Trang phục của một người biểu thị họ là ai.

Cây cối là biểu tượng của con người và của các vương quốc, và trái, cành, hạt, đất, nước, rễ và dĩ nhiên là lá đều tự thân là những biểu tượng tiên tri cụ thể, nhưng mỗi sự thật ấy lại gắn kết với các biểu tượng khác được thể hiện trong những mạch lời tiên tri khác nhau vốn sử dụng các biểu tượng tiên tri cấu thành nên một "cây". Dĩ nhiên, ý nghĩa biểu tượng tiên tri đầu tiên của một cái cây là nó đại diện cho một thử thách sinh tử.

Sứ điệp của Giăng được thể hiện qua y phục ông mặc và thức ăn ông dùng. Thức ăn tiên tri, như ma-na vào buổi đầu của Israel cổ đại, hoặc Bánh từ Trời vào thời kỳ cuối cùng, phải được ăn. Thức ăn ấy tượng trưng cho một sứ điệp thử thách mang tính tiên tri cần phải được ăn, vì đó là thịt và huyết của Đấng Christ. Y phục Giăng mặc và thức ăn ông dùng nhận diện sứ điệp và sứ giả dọn đường cho Đấng Christ. Giăng tiêu biểu cho sứ giả cuối cùng dọn đường cho Đấng Christ, là Sứ giả của Giao ước, Đấng sẽ bỗng nhiên đến đền thờ Ngài khi luật Chủ nhật đến. Khi điều đó xảy ra, những trinh nữ dại, cũng là những người Lao-đi-xê và cỏ lùng, đại diện cho thế hệ thứ tư cuối cùng của những kẻ tự xưng là dân giao ước chính đáng của Áp-ra-ham, giống như người Pha-ri-si và Sa-đu-sê vào thời khi Giăng xuất hiện từ đồng vắng.

John mặc áo bằng lông lạc đà, thắt lưng bằng da có kèm một bộ dây kéo, giống như gia súc dùng với cái ách. Ông ăn, và vì thế sứ điệp của ông là về châu chấu, một biểu tượng hàng đầu của Hồi giáo trong Kinh Thánh, và ông trộn sứ điệp về Hồi giáo của mình với mật ong.

> Dân Y-sơ-ra-ên đặt tên cho nó là Ma-na; nó giống như hạt ngò, màu trắng; và vị của nó như bánh mỏng làm với mật ong. Xuất Ê-díp-tô Ký 16:31.

Mana là biểu tượng của Lời Đức Chúa Trời, và nó có vị như mật ong, mà các nhà tiên tri xem là vị của sứ điệp, và họ được mô tả là ăn sứ điệp ấy. Giăng mang đến sứ điệp của Hồi giáo, được tượng

trưng bằng châu chấu và một dây thắt lưng bằng da lạc đà và lông lạc đà. Châu chấu và lạc đà đều là biểu tượng của Hồi giáo. Sứ điệp Hồi giáo ấy được pha trộn với sự soi sáng của Lời Đức Chúa Trời, vốn được tượng trưng bằng "mật ong".

> Bấy giờ Giô-na-than nói: Cha tôi đã gây hoạn nạn cho xứ; hãy xem, tôi cầu xin anh em, mắt tôi đã sáng ra, vì tôi đã nếm một chút mật ong này. 1 Sa-mu-ên 14:29.

John không chỉ đơn thuần đại diện cho một thông điệp của Hồi giáo, mà ông đến từ vùng hoang dã, như Elijah; và John không ăn mật ong, ông ăn mật ong rừng, vì ông, cũng như Christ, không được đào tạo trong các thiết chế đương thời, vốn có "mật ong" cho thông điệp của riêng họ, được tượng trưng bằng men của Pharisees và Sadducees. John ăn mật ong từ vùng hoang dã, vì ông được Thánh Linh huấn luyện bên ngoài các thiết chế tôn giáo đương thời. Chiếc thắt lưng điển hình của thời kỳ đó có một cơ chế bản lề để người ta buộc áo bằng lông lạc đà của mình vào. Bản lề ấy tượng trưng cho John, người là bước ngoặt từ cõi trần thế sang đền thánh thiên thượng.

> Tiên tri Giăng là mắt xích nối liền giữa hai thời kỳ. Với tư cách đại diện của Đức Chúa Trời, ông đứng ra để cho thấy mối liên hệ giữa luật pháp và các đấng tiên tri với thời kỳ Cơ Đốc. Ông là ánh sáng nhỏ, để rồi sẽ được tiếp nối bởi một ánh sáng lớn hơn. Tâm trí của Giăng được Đức Thánh Linh soi sáng để ông có thể soi sáng cho dân mình; nhưng không có ánh sáng nào đã từng, hay sẽ từng, chiếu tỏ trên con người sa ngã rõ ràng như ánh sáng phát xuất từ sự dạy dỗ và tấm gương của Đức Chúa Giê-su. Đấng Christ và sứ mệnh của Ngài chỉ được hiểu một cách mờ nhạt như được tiêu biểu trong các hy lễ đầy bóng hình. Ngay cả Giăng cũng chưa hoàn toàn thấu hiểu sự sống bất tử ở tương lai qua Đấng Cứu Chúa. The Desire of Ages, 220.

Chiếc áo then chốt của Giăng được giới thiệu ngay tại chính thời điểm Chúa Kitô chịu phép báp-têm, vốn là bước ngoặt, được biểu thị bởi nơi Giăng làm phép báp-têm. Nơi ấy được gọi là Bethabara, có nghĩa là "bến phà", và chính là nơi dân Y-sơ-ra-ên xưa đã vào Đất Hứa khi họ ra khỏi đồng vắng, cũng như Giăng đã làm.

Dĩ nhiên, Giăng đang đại diện cho phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn, nhưng chúng tôi chỉ muốn chỉ ra rằng khi Đức Chúa Giê-su chịu phép báp-tem, chính thế hệ ấy đã bị Ngài và Giăng gọi là "dòng dõi rắn độc." Đức Chúa Giê-su đến để tôn cao luật pháp Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, và Ngài đã cảm thúc mọi lời trong Kinh Thánh, vì vậy khi Ngài gọi thế hệ cuối cùng của Y-sơ-ra-ên xưa là một dòng dõi rắn độc, Ngài biết rất rõ rằng điều răn thứ hai chỉ ra sự phán xét được thi hành đến đời thứ ba và thứ tư.

Thế hệ thứ ba và thứ tư tượng trưng cho một sự phán xét tiến triển kết thúc ở thế hệ thứ tư, tức là dòng dõi rắn độc. Phép báp-têm của Đấng Christ tượng trưng cho 9/11. Thế hệ Laodicê của Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy đã bước vào thế hệ cuối cùng của mình kể từ thời điểm đó. Sứ điệp của Giăng gửi cho những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê chính là sứ điệp Laodicê.

> Nhưng khi ông thấy nhiều người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến để chịu phép báp-tem của ông, ông nói với họ rằng,
>
> Hỡi dòng dõi rắn độc, ai đã cảnh báo các ngươi phải trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến?

> Vậy hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn: Và đừng tự nhủ rằng: Chúng ta có Abraham làm tổ phụ:
>
> Vì ta nói với các ngươi rằng: Đức Chúa Trời có thể dựng nên từ những hòn đá này con cháu cho Áp-ra-ham.
>
> Và bây giờ, cái rìu cũng đã đặt kề gốc cây; vì thế, hễ cây nào không sinh trái tốt đều bị đốn xuống và quăng vào lửa. Còn tôi, tôi làm phép rửa cho anh em bằng nước để ăn năn; nhưng Đấng đến sau tôi thì quyền năng hơn tôi, tôi không đáng xách giày cho Ngài; Ngài sẽ làm phép rửa cho anh em bằng Thánh Linh và bằng lửa. Cái nia ở trong tay Ngài; Ngài sẽ sàng sạch sân đập lúa của mình, thu lúa mì vào kho lẫm, còn rơm rạ thì sẽ bị đốt trong lửa không hề tắt.
>
> Bấy giờ Đức Giêsu từ Galilê đến sông Giođan, đến cùng Gioan, để chịu phép rửa bởi ông. Mát-thêu 3:7-13.

Giê-su đến từ Ga-li-lê, điều này tượng trưng cho một bước ngoặt, phù hợp với bản lề-thắt lưng của Giăng và với ý nghĩa của Bê-tha-ba-ra. Công việc dọn đường của Giăng khi ấy đã chuyển thành công việc của Đấng Christ là xác nhận giao ước. Ba mươi năm chuẩn bị đã kết thúc và giai đoạn ba năm rưỡi trước và sau thập tự giá đã bắt đầu.

Thông điệp của Giăng là lời cảnh báo về cơn thịnh nộ sắp đến trong sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, một sự hủy diệt cũng tượng trưng cho tận thế và bảy tai vạ sau cùng. Lời cảnh báo ấy được đặt trong bối cảnh Hồi giáo, và được truyền đạt bởi một người không chỉ ứng nghiệm sứ giả của Ma-la-chi, người dọn đường, và tiếng kêu trong đồng vắng của Ê-sai, mà còn mang sứ điệp của Ê-li; vì y phục của Giăng tương tự như của Ê-li, cũng như sứ điệp của Giăng tương tự sứ điệp của Ê-li.

> Ông nói với họ: Người đã đến gặp các ngươi và nói với các ngươi những lời ấy là người như thế nào? Họ đáp: Ấy là một người rậm lông, thắt lưng bằng dây da quanh hông. Ông nói: Ấy là Ê-li, người Tích-bê. 2 Các Vua 1:7, 8.

Nếu họ hỏi về Giăng, chứ không phải về Ê-li, "ông ấy là người như thế nào?", thì họ sẽ được trả lời: "một người lông lá, và thắt dây lưng bằng da quanh hông." Toàn bộ chức vụ kéo dài sáu tháng của Giăng được thể hiện trong đoạn văn nơi thế hệ cuối cùng và thứ tư được xác định và định nghĩa một cách cụ thể. Sứ điệp La-ô-đi-xê gửi đến họ trực tiếp công kích việc tự xưng là dân giao ước của Đức Chúa Trời, cảnh báo họ về cơn thịnh nộ sắp đến, như được minh họa bằng hình ảnh một cái rìu giáng vào gốc rễ của cây cối. Sứ điệp ấy cũng nói rằng Đấng Christ sẽ hoàn tất tiến trình thử luyện đã bắt đầu với Giăng. Về sau trong sách Ma-thi-ơ, Chúa Giê-xu cũng gọi người Do Thái là "một dòng dõi rắn độc", và Ngài tiếp tục ý tưởng từ chủ đề chặt cây của Giăng, rồi giải thích lý do.

> Hoặc làm cho cây nên tốt, và trái của nó tốt; hoặc làm cho cây nên xấu, và trái của nó xấu; vì cây được nhận biết bởi trái của nó. Hỡi dòng dõi rắn độc, các ngươi vốn là kẻ gian ác, làm sao có thể nói điều tốt được? Vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng nói ra. Người tốt từ kho tàng tốt trong lòng mình mà đem ra điều tốt; còn người ác từ kho tàng xấu mà đem ra điều ác. Nhưng ta nói với các ngươi: mọi lời nói vô ích mà người ta nói ra sẽ phải khai trình về điều đó trong ngày phán xét. Vì bởi lời nói của ngươi, ngươi sẽ được xưng công chính; và bởi lời nói

> của ngươi, ngươi sẽ bị kết án. Ma-thi-ơ 12:33-37.

Ngày phán xét, theo điều răn thứ hai, xảy ra ở thế hệ thứ tư. Sự phán xét dựa trên sứ điệp chúng ta nói ra, và sứ điệp ấy xuất phát từ tấm lòng của chúng ta. Chính sứ điệp chúng ta nói ra xác định liệu chúng ta thuộc "dòng dõi được chọn" theo lời Phi-e-rơ hay là một "dòng dõi rắn độc". Cả hai hạng người đều bộc lộ ra vào lúc kết thúc một tiến trình thử luyện, trong đó Đấng Christ, như người cầm chổi quét bụi, lau sạch sàn của Ngài. Cũng như dầu trong dụ ngôn mười trinh nữ, sứ điệp được thể hiện qua một tấm lòng xấu hoặc một tấm lòng tốt. Lời phán của Đấng Christ còn cho biết rằng thế hệ rắn độc này—tức thế hệ thứ tư và cuối cùng—đòi dấu lạ, và dấu lạ duy nhất họ sẽ được ban cho là dấu lạ của Giô-na.

> Bấy giờ, một số thầy thông giáo và người Pha-ri-si thưa rằng: "Thưa Thầy, chúng tôi muốn thấy một dấu lạ từ Thầy." Nhưng Ngài đáp rằng: "Một thế hệ gian ác và ngoại tình tìm kiếm dấu lạ; nhưng sẽ không có dấu lạ nào được ban cho nó, ngoại trừ dấu lạ của tiên tri Giô-na. Vì như Giô-na đã ở trong bụng cá voi ba ngày ba đêm, thì Con Người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. Người Ninive sẽ trỗi dậy trong ngày phán xét cùng với thế hệ này và sẽ kết án nó, bởi vì họ đã ăn năn khi nghe Giô-na rao giảng; và kìa, có Đấng lớn hơn Giô-na ở đây. Nữ hoàng phương Nam sẽ trỗi dậy trong ngày phán xét cùng với thế hệ này và sẽ kết án nó, vì bà đã từ tận cùng trái đất đến để nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn; và kìa, có Đấng lớn hơn Sa-lô-môn ở đây." Ma-thi-ơ 12:38-42.

Đấng Christ gọi người Do Thái là dòng dõi rắn độc, và Ngài dùng những hình ảnh về sự phán xét như trong thông điệp của Giô-na và trong thông điệp về sự khôn ngoan của Sa-lô-môn. Chúa Giê-su xác định, qua ngữ cảnh và với hai nhân chứng, rằng dòng dõi rắn độc là thế hệ thứ tư, vì ở thế hệ thứ tư, sự phán xét được thi hành.

Một trăm bốn mươi bốn nghìn là tiêu kỳ, hay dấu chỉ của những ngày sau rốt, cũng như luật pháp của Đức Chúa Trời và ngày Sa-bát. Dấu lạ của Giô-na là dấu lạ về sự phục sinh; đối với người Do Thái thời Đấng Christ, đó là phép báp-têm của Ngài, khi Đức Thánh Linh ngự xuống, được biểu trưng như chim bồ câu. Giô-na có nghĩa là "bồ câu". Giô-na, Giăng tác giả sách Khải Huyền, Đa-ni-ên, Giô-sép và La-xa-rơ tượng trưng cho một trăm bốn mươi bốn nghìn, những người được sống lại sau khi đã chết trên đường phố trong ba ngày rưỡi. Lúc ấy họ phải chuyển từ La-ô-đi-xê sang Phi-la-đen-phi, trở thành "cái thứ tám vốn thuộc về bảy". Giô-na tượng trưng cho báp-têm, vì ông bị ném xuống nước và đã chết mang tính biểu tượng khi bị cá lớn nuốt. Sau đó ông được phục sinh, cũng như Giăng khi được đưa ra khỏi vạc dầu sôi, như Đa-ni-ên khi được đưa ra khỏi hang sư tử, như Giô-sép khi được kéo lên khỏi hố, và như La-xa-rơ, phép lạ ấn chứng trong thời của Đấng Christ. Người Do Thái đã không thấy dấu lạ của Giô-na, như được thể hiện qua sự phục sinh của Đấng Christ, rõ ràng hơn là phong trào Phục Lâm nhìn thấy dấu hiệu của 9/11, vốn là dấu lạ của Giô-na.

Chúng tôi sẽ tiếp tục các chủ đề này trong bài viết tiếp theo.

> Gánh nặng của lời cảnh cáo hiện nay, phải được gửi đến dân Đức Chúa Trời, cả gần lẫn xa, chính là sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Và những ai đang tìm hiểu sứ điệp này sẽ không được Chúa dẫn dắt để áp dụng Lời Đức Chúa Trời theo cách làm suy yếu nền tảng và dỡ bỏ các trụ

cột của đức tin đã làm cho người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy trở thành như ngày nay. Những lẽ thật đã lần lượt được mở ra khi chúng ta tiến bước theo dòng các lời tiên tri được bày tỏ trong Lời Đức Chúa Trời, đến nay vẫn là lẽ thật, là lẽ thật thánh khiết và đời đời. Những người đã đi qua chặng đường đó từng bước một trong lịch sử kinh nghiệm trước đây của chúng ta, nhìn thấy chuỗi lẽ thật trong các lời tiên tri, đã sẵn sàng chấp nhận và vâng theo mọi tia sáng. Họ cầu nguyện, kiêng ăn, tìm kiếm, đào bới lẽ thật như tìm kho báu giấu kín, và như chúng ta biết, Đức Thánh Linh đã dạy dỗ và dẫn dắt chúng ta. Nhiều học thuyết đã được đề xướng, có vẻ như mang dáng dấp của lẽ thật, nhưng bị hòa trộn với những câu Kinh Thánh bị giải nghĩa sai và áp dụng sai, đến nỗi dẫn đến những sai lầm nguy hiểm. Chúng ta rất rõ mỗi điểm của lẽ thật đã được thiết lập như thế nào, và ấn chứng đã được Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời đóng trên đó. Và suốt thời gian ấy vẫn vang lên những tiếng nói: "Đây là lẽ thật," "Tôi có lẽ thật; hãy theo tôi." Nhưng cũng có những lời cảnh báo: "Chớ đi theo họ. Ta chẳng sai họ, nhưng họ đã tự chạy." (Xem Giê-rê-mi 23:21.)

Sự dẫn dắt của Chúa đã được bày tỏ rõ ràng, và vô cùng kỳ diệu là những sự mặc khải của Ngài về điều gì là lẽ thật. Hết điểm này đến điểm khác đều được Chúa là Đức Chúa Trời ở trên trời xác lập. Điều gì là lẽ thật khi ấy thì hôm nay vẫn là lẽ thật. Nhưng những tiếng nói vẫn không ngừng vang lên: "Đây là lẽ thật. Tôi có ánh sáng mới." Nhưng những "ánh sáng mới" trong các dòng tiên tri bộc lộ ở chỗ áp dụng sai Lời Chúa và khiến dân của Đức Chúa Trời trôi dạt, không có mỏ neo để giữ họ. Nếu người học Lời Chúa biết tiếp nhận những lẽ thật mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua sự dẫn dắt dân Ngài, và thấm nhuần những lẽ thật ấy, suy ngẫm chúng, và đem chúng vào đời sống thực hành của mình, thì khi ấy họ sẽ trở nên những kênh dẫn ánh sáng sống động. Nhưng những người tự đặt mình để nghiên cứu những lý thuyết mới lại trộn lẫn lẽ thật với sai lầm; và sau khi cố làm cho những điều ấy trở nên nổi bật, họ đã chứng tỏ rằng họ không thắp ngọn nến của mình từ bàn thờ thiêng liêng, và nó đã tắt lịm trong bóng tối. Selected Messages, quyển 2, 103, 104.